

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa Môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Đình Trinh

2. Ngày tháng năm sinh: 29/10/1978; Nam ☒ Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 403, tập thể B5 Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Hóa học, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 19 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0916896344; E-mail: trinhdt@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến nay: Giảng viên, Khoa Hóa học, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ năm 2016 đến nay: Phó Giám đốc Phòng thí nghiệm Trọng điểm Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong Phát triển xanh cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc Phòng thí nghiệm Trọng điểm Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong Phát triển xanh cấp Đại học Quốc gia Hà Nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám Đốc.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 334, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438584616

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): 1. Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội; 2. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 06 năm 2001, ngành: Công nghệ Hóa học, chuyên ngành: Kỹ thuật Hóa hơi trường

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 12 tháng 11 năm 2007, ngành: Hóa, Lý, Vật liệu Polymer, chuyên ngành: Kỹ thuật phân tử và vật liệu đa chức năng.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Le Mans, Cộng hòa Pháp.

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 07 năm 2011, ngành: Các khoa học Vật chất, Bức xạ và Môi trường; chuyên ngành: Quang & Laser, Hóa lý, Khí quyển.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Hoa học và Công nghệ Lille, Cộng Hòa Pháp

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Nghiên cứu tổng hợp vật liệu xúc tác quang hóa hoạt động trong vùng ánh sáng khả kiến, và ứng dụng trong xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ bền trong môi trường.
- Nghiên cứu phát triển các loại vật liệu xúc tác quang hóa tiên tiến dạng Z và ứng dụng trong tách nước, chuyển hóa CO₂ tạo các loại nhiên liệu có giá trị.
- Nghiên cứu tính chất, nguồn phát thải và rủi ro phơi nhiễm các chất ô nhiễm trong không khí.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS; đang hướng dẫn 02 NCS.
- Đã hướng dẫn (số lượng) 7 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai); hiện tại đang hướng dẫn chính 03 học viên cao học.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 Đề tài Cấp Bộ - Đề tài Nafosted (chủ trì), 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (thư ký); đang thực hiện 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội (chủ trì) và 01 đề tài ERASMUS⁺ do Liên minh châu Âu tài trợ (thành viên nghiên cứu chủ chốt); 01 đề tài nhánh (1a) của dự án “Đẩy mạnh Đổi mới sáng tạo thông qua Nghiên cứu, Khoa học và Công nghệ” – FIRST (thành viên nghiên cứu chính), và 01 đề tài Nghị định thư với Trung Quốc (thành viên nghiên cứu chủ chốt).
- Đã công bố (số lượng) 43 bài báo KH, trong đó 22 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín trong hệ thống SCI/SCIE, 12 bài báo cáo trong các hội thảo quốc tế và 9 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước. Đang chờ phản biện của 02 bài báo gửi đăng trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc hệ thống SCI/SCIE.
- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín, 01 sách dịch từ sách tiếng Anh;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên, tôi luôn giữ vững phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, lối sống lành mạnh; luôn phấn đấu tìm tòi, học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu đối với giảng viên đại học. Tôi luôn có ý thức phấn đấu, học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, ngoại ngữ tin học, và nghiệp vụ sư phạm.

Trong công tác giảng dạy, tôi nghiên cứu nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy; thực hiện nghiêm túc các qui chế về giảng dạy, kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên và học viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN của trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội; chủ động và tích cực xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề cương môn học, bài giảng, cơ sở dữ liệu phục vụ cho giảng dạy. Trong quá trình giảng dạy, tôi thường xuyên cập nhật thông tin để bổ sung, hoàn chỉnh, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy. Tôi luôn tham gia tích cực trong việc xây dựng chương trình đào tạo của khoa Hóa học, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội; tham gia xây dựng và biên soạn tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo chuyên ngành Hóa Môi trường và ngành Công nghệ Hóa học tại đơn vị công tác.

Tôi đã đảm nhiệm và hoàn thành tốt các môn học dạy cho các hệ đào tạo đại học, cao học và tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Ở bậc đại học tôi đã đảm nhiệm giảng dạy các môn học thuộc chuyên ngành Hoá môi trường và giảng dạy môn Hoá học đại cương. Ở bậc cao học và tiến sĩ, tôi đảm nhận giảng dạy các môn học và học phần thuộc chuyên ngành Hoá môi trường, Kỹ thuật môi trường. Tôi đã tích cực tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh cho bậc thạc sỹ tại trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội, giảng dạy bằng tiếng Pháp cho chương trình Pháp ngữ bậc đại học của khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong suốt quá trình công tác tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, tôi luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tôi luôn học hỏi, hợp tác chặt chẽ với các đồng nghiệp trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong quá trình công tác, ngoài nhiệm vụ là cán bộ giảng dạy tôi đã tham gia công tác quản lý tại Phòng thí nghiệm Trọng điểm Vật liệu Tiên tiến ứng dụng trong Phát triển xanh cấp Đại học Quốc gia Hà Nội. Bên cạnh đó, tôi luôn ý thức được tầm quan trọng của hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của cá nhân và của đơn vị, đồng thời khai thác được các nguồn tài trợ quốc tế phục vụ cho các nghiên cứu của đơn vị. Tôi đã liên kết, hợp tác được với một số nhà khoa học, phòng thí nghiệm tại các nước phát triển, xin được các nguồn tài trợ phục vụ phát triển nghiên cứu tại Phòng thí nghiệm Trọng điểm Vật liệu Tiên tiến ứng dụng trong Phát triển xanh cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, và khoa Hóa học trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 9 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2005-2006				2	225		225/285/238
2	2015-2016		1	1		90	105	195/353/270
3	2016-2017		1	1		120	105	225/458/230

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3 năm học cuối								
4	2017-2018		1	2	4	110	150	260/599/230
5	2018-2019		1	1	3	102	173	275/616/230
6	2019-2020		1	2	4	300	30	330/672/230

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại nước: Cộng hòa Pháp, năm 2007.

- Bảo vệ luận án TS ☒ hoặc TSKH; tại nước: Cộng hòa Pháp, năm 2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, và trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NC S	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Hoa		HVCH	x		2014-2016	Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	2016
2	Hoàng Văn Tú		HVCH		x	2014-2016	Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	2017
3	Phạm Thùy Dương		HVCH	x		2016-2017	Trường Đại học Toulon,	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

							Cộng hòa Pháp	
4	Đoàn Mạnh Cường		HVCH	x		2016-2018	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	2018
5	Nguyễn Xuân Trường		HVCH	x		2016-2019	Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	2020
6	Nguyễn Thị Thúy Mến		HVCH	x		2017-2020	Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	2020
7	Đỗ Thị Minh Hằng		HVCH	x		2017-2020	Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau bảo vệ Tiến sỹ							
1	Giáo trình Thực tập Hoá môi trường	GT	NXB ĐHQG Hà Nội, 2019. Giấy phép xuất bản số: 19KH-TN/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 01/08/2018 ISBN: 978-604-968-311-4	09	Không	Biên soạn các phần: bài 1 (trang 19 - 31), bài 2 (trang 33 - 40), và bài 3 (trang 41 - 48)	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà nội xác nhận ngày 15/06/2020.
2	Giáo trình Hóa học Môi trường	GT	NXB ĐHQG Hà Nội, 2019. Giấy phép xuất bản số: 16KH-TN/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 12/08/2019 ISBN: 978-604-9854-85-9	08	Không	Biên soạn các phần: chương 11 (trang 456-491), chương 12 (trang 492-524), và chương 13 (trang 525-576).	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà nội xác nhận ngày 15/06/2020.

Trước bảo vệ Tiến sỹ

--	--	--	--	--	--	--	--

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau bảo vệ Tiến sỹ					
1	Đánh giá quá trình vận chuyển và rủi ro phơi nhiễm các kim loại nặng trên các hạt bụi từ không khí trong nhà đối với con người	CN	Đề tài Nafosted. Mã số 104.99-2016.67	2017-2020	Nghiệm thu: 21/6/2020 Xếp loại: Đạt
2	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp trên cơ sở graphene với một số oxit kim loại để ứng dụng làm vật liệu xúc tác- hấp phụ cho quá trình xử lý các kim loại nặng và các chất hữu cơ độc hại trong môi trường nước.	TK	Đề tài ĐHQGHN. Mã số QG.16.21	2016-2018	Nghiệm thu: 21/6/2020 Xếp loại: xuất sắc

Trước bảo vệ Tiến sỹ					

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q _i)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Sau bảo vệ Tiến sỹ								
1	Seasonal Variation, Sources, and Health Risk Assessment of Indoor/Outdoor BTEX at Nursery Schools in Hanoi, Vietnam	8	Có	Water, Air, & Soil Pollution. Online ISSN: 1573-2932 Print ISSN: 0049-6979	SCI/Scopus; IF=1,774; 5 năm IF=,963; Q2	0	Tập 231, trang 273 DOI: https://doi.org/10.1007/s11270-020-04635-6	2020
2	Assessment of Air Quality in School Environments in Hanoi, Vietnam: A Focus on Mass-Size Distribution and Elemental Composition of Indoor-Outdoor Ultrafine/Fine/Coarse Particles	12	Có	Atmosphere ISSN: 2073-4433	SCI/Scopus; IF=2,046; 5 năm IF=2,253; Q2	0	Tập 11; Số 5; Trang 519 DOI: https://doi.org/10.3390/atmos11050519	2020
3	Accelerated remediation of	11	Có	Environment al	SCI/Scopus; IF=3,252	0	DOI:	2020

	organochlorine pesticides-contaminated soils with Phyto-Fenton approach: a field study			Geochemistry and Health. Online ISSN: 1573-2983 Print ISSN: 0269-4042	5-năm IF= 3,282; Q1		https://doi.org/10.1007/s10653-020-00588-1	
4	rGO/persulfate metal-free catalytic system for the degradation of tetracycline: effect of reaction parameters	2	Có	Materials Research Express ISSN: 2053-1591	SCIE/Scopus; IF=1,449; Q2	0	DOI: https://doi.org/10.1088/2053-1591/ab9e47	2020
5	Photocatalytic degradation of Rhodamine B by C and N co-doped TiO ₂ nanoparticles under visible-light irradiation	2	Có	Journal of Chemistry Print ISSN: 2090-9063 Online ISSN: 2090-9071	SCIE/Scopus; IF=1,727; Q2	0	Đã được chấp nhận đăng ngày 18.6.2020. Chưa có tập, trang	2020
6	Advanced NiMoO ₄ /g-C ₃ N ₄ Z-scheme heterojunction photocatalyst for efficient conversion of CO ₂ to valuable products	12	Không	Journal of Alloys and Compounds ISSN: 0925-8388	SCI/Scopus; IF=4,175; Q1	0	Tập: 842, Trang: 155860 DOI: https://doi.org/10.1016/j.jallcom.2020.155860	2020
7	Synthesis of Co ₃ O ₄ coated on N,S doped TiO ₂ for novel photocatalytic degradation of toxic organic pollutant in aqueous environment	11	Không	Ceramics International ISSN: 0272-8842	SCI/Scopus; IF=3,450 5-năm IF=3,187 Q1	0	DOI: https://doi.org/10.1016/j.ceramint.2020.05.266	2020
8	Synthesis of Magnetic Biochar and Their Application for the Treatment of Methylene Blue in Water.	2	Có	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology		0	Tập 36, Số 1, Trang 9-19 DOI:	2020

				ISSN: 2615-9317 Online ISSN: 2588-1140			https://doi.org/10.25073/2588-1140/vnunst.4939	
9	Synthesis of Iron-Modified Biochar Derived from Rice Straw and Its Application to Arsenic Removal	12	Không	Journal of Chemistry Print ISSN: 2090-9063 Online ISSN: 2090-9071	SCIE/Scopus; IF=1,727; Q2	4	Tập: 2019 Trang: 5295610 DOI: https://doi.org/10.1155/2019/5295610	2019
10	The advanced photocatalytic degradation of atrazine by direct Z-scheme Cu doped ZnO/g-C ₃ N ₄	11	Không	Applied Surface Science ISSN: 0169-4332	SCI/Scopus; IF=5,155; 5-năm IF=4,281; Q1	8	Tập: 489 Trang: 875-882 DOI: https://doi.org/10.1016/j.apsusc.2019.05.360	2019
11	Superior photocatalytic activity of Cu doped NiWO ₄ for efficient degradation of benzene in air even under visible radiation	8	Không	Chemical Physics ISSN: 0301-0104	SCIE/Scopus; IF=1,822; 5-năm IF=1,593; Q2	2	Tập: 252 Trang: 110411 DOI: https://doi.org/10.1016/j.chemphys.2019.110411	2019
12	Enhanced photocatalytic degradation of Rhodamine B using C/Fe co-doped titanium dioxide coated on activated carbon	4	Có	Journal of Chemistry Print ISSN: 2090-9063 Online ISSN: 2090-9071	SCIE/Scopus; IF=1,727; Q2	2	Tập: 2019 Trang: 2949316 DOI: https://doi.org/10.1155/2019/2949316	2019

13	The superior photocatalytic activity of Nb doped TiO ₂ /g-C ₃ N ₄ direct Z-scheme system for efficient conversion of CO ₂ into valuable fuels	8	Không	Journal of Colloid and Interface Science ISSN: 0021-9797	SCI/Scopus; IF=6,361; 5-năm IF=5,078; Q1	22	Tập: 540 Trang: 1-8 DOI: https://doi.org/10.1016/j.jcis.2019.01.005	2019
14	Superior stability and photocatalytic activity of Ta ₃ N ₅ sensitized/protected by conducting polymers for water splitting	12	Không	Journal of Alloys and Compounds ISSN: 0925-8388	SCI/Scopus; IF=4,175; 5-năm IF=3,624; Q1	12	Tập: 775 Trang: 942-949 DOI: https://doi.org/10.1016/j.jallcom.2018.10.188	2019
15	Superior activity of Cu-NiWO ₄ /g-C ₃ N ₄ Z direct system for photocatalytic decomposition of VOCs in aerosol under visible light	9	Không	Journal of Alloys and Compounds ISSN 0925-8388	SCI/Scopus; IF=4,175; 5-năm IF=3,624; Q1	12	Tập: 798 Trang: 12-18 DOI: https://doi.org/10.1016/j.jallcom.2019.05.236	2019
16	Graphene oxide and reduced graphene oxide based materials for the removal of recalcitrant organic compounds from water	4	Có	International Conference “Catalysis towards Green Chemistry and Environment”, Hanoi, Vietnam 9-13, September 2019		0		2019

17	Heavy Metals Concentration in Airborne Particles at Nursery Schools in Hanoi and Health Risk Assessment	2	Có	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology ISSN: 2615-9317 Online ISSN: 2588-1140			Tập: 35 Trang: 1-10 DOI: https://doi.org/10.25073/2588-1140/vnunst.4783	2019
18	Novel visible light-driven Nb-doped Ta ₃ N ₅ sensitized/protected by PPy for efficient overall water splitting	4	Không	International Journal of Hydrogen Energy ISSN: 0360-3199	SCIE/Scopus; IF=4,084; 5-năm IF=3,969; Q1	14	Tập: 43 Trang: 15898-15906 DOI: https://doi.org/10.1016/j.ijhydene.2018.06.128	2018
19	Novel direct Z-scheme Cu ₂ V ₂ O ₇ /g-C ₃ N ₄ for visible light photocatalytic conversion of CO ₂ into valuable fuels	9	Không	Applied Surface Science ISSN: 0169-4332	SCI/Scopus; IF=5,155; 5-năm IF=4,281; Q1	31	Tập: 457 Trang: 968-974 DOI: https://doi.org/10.1016/j.apsusc.2018.07.034	2018
20	Enhanced photocatalytic degradation of methyl orange using ZnO/graphene oxide nanocomposites	7	Có	Research on Chemical Intermediates Online ISSN: 1568-5675 Print ISSN: 0922-6168	SCI/Scopus; IF=2,064; Q2	25	Tập: 44 Trang: 3081–3095 DOI: https://doi.org/10.1007/s11164-018-3294-3	2018
21	Nghiên cứu hiệu quả xử lý các hạt bụi than kích thước nanomet sinh ra từ quá trình tiêu hủy chất thải	1	Có	Tạp chí Hóa học Print ISSN: 0866-714		0	Tập 56; Trang: 205-211	2018

	nano bằng hệ thống lọc xung			Online ISSN: 2572-8288				
22	Điều chế xúc tác quang hóa vùng khả kiến ZnO-SiO ₂ và ứng dụng để phân hủy phẩm màu Rhodamine B	3	Không	Tạp chí Hóa học Print ISSN: 0866-714 Online ISSN: 2572-8288		1	Tập 56; Số: 3E12 Trang: 213-219	2018
23	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu quang xúc tác trên cơ sở CeO ₂ -graphen oxit và ứng dụng để xử lý Rhodamin B trong nước	2	Có	Tạp chí Hóa học Print ISSN: 0866-714 Online ISSN: 2572-8288		1	Tập 56; Số: 6E1 Trang: 17-23	2018
24	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu composit từ than sinh học/MgO và ứng dụng để xử lý amoni trong nước	2	Có	Tạp chí Hóa học Print ISSN: 0866-714 Online ISSN: 2572-8288		0	Tập 56; Số: 6E1 Trang: 229-234	2018
25	Application of phyto-fenton process to POPs-contaminated soil	6	Không	7th European Bioremediation Conference (EBC-VII) and the 11th International Society for Environmental Biotechnology conference (ISEB 2018), Chania, Greece, 25-28, June 2018		1		2018
26	Enhanced photocatalytic degradation of Rhodamine B in	3	Có	International conference "Catalysis toward		0		2018

	aqueous solutions using CeO ₂ /GO photocatalyst			sustainable chemical industry”, Hanoi, Vietnam 17-29, September 2018				
27	Characterization of Polymer Waste Containing Nano-fillers Prior its End-of Life Treatment	8	Có	Waste and Biomass Valorization. Online ISSN: 1877-265X Print ISSN: 1877-2641	SCIE/Scopus; IF=2,358; 5-năm IF= 2,227; Q2	4	Tập 8; Trang: 2463–2471 DOI https://doi.org/10.1007/s12649-016-9757-0	2017
28	Nghiên cứu khả năng hấp phụ một số kim loại nặng trong nước bằng vật liệu nanocomposite GO/MnO ₂	4	Không	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0868-3224		2	Tập 22, Số 3, Trang 6-22	2017
29	Characterization of silicon polymer-containing residue prior to thermal waste treatment	8	Không	WasteEng 2016: 6th International Conference on Engineering for Waste and Biomasse Valorisation, Albi, France. May 23-26, 2016		2		2016
30	Nghiên cứu chế tạo vật liệu composit GO/Fe ₃ O ₄ và ứng dụng để xử lý As(III) trong môi trường nước	4	Có	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology ISSN: 2615-9317		1	Tập 32, Số 3, Trang 212-220 DOI: https://js.vnu.edu.vn/N	2016

				Online ISSN: 2588-1140			ST/article/view/3825	
31	Indoor particle dynamics in schools: Determination of air exchange rate, size-resolved particle deposition rate and penetration factor in real-life conditions	4	Có	Indoor and Built Environment Online ISSN: 1423-0070 Print ISSN: 1420-326X	SCIE/Scopus; IF=1,367; Q3	6	Tập 26, Số 10, Trang 1335-1350 DOI: https://doi.org/10.1177/1420326X15610798	2015
32	Indoor and outdoor behavior and sources of size-resolved airborne particles in French classrooms	4	Có	Building and Environment ISSN: 0360-1323	SCI/Scopus; IF=4,820; 5-năm IF=5,379; Q1	30	Tập 81, Trang 183-191 DOI: https://doi.org/10.1016/j.buildenv.2014.06.023	2014
33	Nanowaste incineration: performances of a bag filter in a pilot scale device under real operating conditions	8	Không	WasteEng 2014: 5th International Conference on Engineering for Waste and Biomasse Valorisation, Rio de Janeiro, Brazil. August 25-28		2		2014
34	Evaluation des performances d'un filtre à manche en conditions de laboratoire représentatives du traitement des fumées d'incinération – Application aux	8	Không	29ème Congrès français sur les aérosols (CFA 2014). Paris, November 22-23, 2014		2		2014

	déchets contenant des nanomatériaux							
35	Projet Nanofluegas Caractérisation des émissions particulaires lors de l'incinération de déchets contenant des nanomatériaux	9	Có	28ème Congrès français sur les aérosols, CFA 2013. Paris, January 23-24, 2013		3		2013
36	Elemental characterization and source identification of size resolved atmospheric particles in French classrooms	4	Có	Atmospheric Environment ISSN: 1352- 2310	SCI/Scopus; IF=4,012; 5-năm IF= 4,459; Q1	63	Tập 54, Trang 250- 259 DOI: https://doi.org/10.1016/j.atmosenv.2012.02.021	2012
37	The NANOFlueGas Project: Characterization and reduction of particulate emissions from the incineration of wastes containing manufactured nanomaterials	9	Có	SENN 2012: International Congress on Safety of Engineered Nanoparticles and Nanotechnolo gies 28-31 October 2012, Marina Congress Centre, Helsinki, Finland		3		2012
Trước bảo vệ tiến sỹ								
38	Biomonitoring of indoor air genotoxic properties in ten schools using Scindapsus aureus	5	Không	International Journal of Environment and Health Online ISSN:	Scopus; IF=0,32; Q3	8	Tập 4, Số 2/3, Trang 224 – 234	2010

				1743-4963 Print ISSN: 1743-4955			DOI: 10.1504/IJE NVH.2010. 033710	
39	Factors Affecting the Indoor Concentrations of Particles	3	Có	1st Indo-French Workshop on Indoor Air Quality: Monitoring, Prediction Assessment and Cleaning. Nantes, France, May 31st - June 3rd, 2010.		2		2010
40	Modélisation du transfert intérieur-extérieur des particules dans des classes d'écoles de la région Nord-Pas de Calais	2	Có	JIQA 2010. Villeneuve d'Ascq, Lille, France, 04-05, February, 2010		2		2010
41	Chemical Characterization and sourcing of fine particles in French classrooms	2	Có	International Conference and Exhibition on Healthy Building 2009, Syracuse, New York, USA. Sept 13-17, 2009		5	Bài báo số 62 Trang 1-4	2009
42	Synthesis of zeolites from coal fly ash and their uptake properties of zinc and nickel ions	4	Không	The 2nd International Symposium on Advanced Materials (Asia- Pacific Rim) -2005. Hanoi,		2	Trang 106-108	2005

				Vietnam, 1-4 April, 2005				
43	Nghiên cứu khả năng tách loại, thu hồi chì và cadimi trong dung dịch bằng vật liệu hấp phụ chế tạo từ rong tảo biển	5	Không	Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Tuyển tập các công trình khoa học kỷ niệm 45 năm ngày thành lập khoa Hóa học trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-2001)		3	Trang 125-129	2001

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 11

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

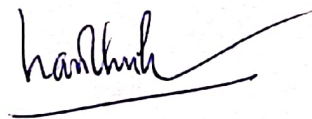
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Đình Trinh